TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 4 - TUYÊN QUANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 40/2026/HNGĐ-ST
Ngày 16-6-2026
"V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 - TUYÊN QUANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Phúc;

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đặng Thế Phong.

Ông Hứa Văn Chế.

- ***Thư ký phiên tòa*:** Bà Trần Thị Nga - Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 4 - Tuyên Quang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 4 - Tuyên Quang tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Việt Thắng và bà Đỗ Thị Phương Thảo - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 6 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 4 - Tuyên Quang xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 96/2026/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 3 năm 2026 về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 41/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 26 tháng 5 năm 2026; Quyết định hoãn phiên tòa số 25/2026/QĐST-HNGĐ, ngày 11 tháng 6 năm 2026, giữa:

- *Nguyên đơn:* Chị Nông Thị B, sinh năm 1989. Địa chỉ: Thôn Bản H, xã M, tỉnh Tuyên Quang. (Có mặt)

- *Bị đơn:* Anh Bùi Đức V, sinh năm 1984. Địa chỉ: Thôn Sơn H, xã Ngọc Đ, tỉnh Tuyên Quang. (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Nông Thị B trình bày:

- *Về quan hệ hôn nhân:* Chị và anh Bùi Đức V có đăng ký kết hôn ngày 04/12/2014 tại Uỷ ban nhân dân xã Ngọc Đ, thành phố Hà Giang, tỉnh Hà Giang (nay là xã Ngọc Đ, tỉnh Tuyên Quang). Sau khi kết hôn chị về nhà chồng sinh sống, đế năm 2015 anh chị ra thuê trọ ở riêng, vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh V mải chơi, không tu chí làm ăn, chơi cờ bạc dẫn đến phát sinh nợ nần, anh V bỏ nhà đi biệt tích đến tháng 8/2018 mới về nhà, hai vợ chồng quyết định cùng nhau đi sang huyện Mường Tè, tỉnh Lai Châu để làm ăn và gửi con gái nhờ ông bà ngoại

nuôi dưỡng. Đến tháng 10/2019 chị B phát hiện anh V nghiện ma túy, đến tháng 4/2020 anh chị quay về nhà bố mẹ đẻ của chị B tại thôn Bản H, xã M, tỉnh Tuyên Quang (hiện nay) để anh V tự cai nghiện và đã cai nghiện thành công. Đến tháng 9/2020, khi chị B có thai con thứ hai thì anh V bỏ nhà trốn nhà sang huyện Mường Tè, tỉnh Lai Châu làm ăn, đến tháng 2/2021 anh V về nhà và lại tái nghiện ma túy, sau đó anh V lại bỏ nhà đi và liên lạc với gia đình thưa dần rồi cắt hẳn liên lạc với gia đình. Đến tháng 6/2025 chị B được Công an Trại giam Yên Hạ, xã Huy Hạ, huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La (cũ) thông báo về việc anh V đang chấp hành án phạt tù 01 năm 08 tháng về tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy", hiện tại anh V đã chấp hành xong án phạt tù trở về sinh sống tại xã Ngọc Đ, tỉnh Hà Giang. Anh chị đã sống ly thân được 05 năm. Xác định tình cảm vợ chồng không còn, nên chị giữ nguyên yêu cầu được ly hôn với anh Việt.

- *Về con chung*: Anh chị có 02 con chung là cháu Bùi Cẩm L, sinh ngày 19/6/2015 và cháu Bùi Minh K, sinh ngày 17/6/2021. Cháu L và cháu K sinh sống với chị B từ nhỏ, cháu Khang từ khi sinh ra chưa gặp mặt bố lần nào, anh V cũng chưa đến thăm con hoặc gửi đồ, gửi tiền nuôi con. Vì vậy, khi ly hôn chị B có nguyện vọng được nuôi dưỡng cả hai con, không yêu cầu anh V phải cấp dưỡng nuôi con chung.

- *Về tài sản chung, công nợ chung*: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Toà án thụ lý vụ án và tiến hành giải quyết theo trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Quá trình giải quyết vụ án anh Bùi Đức V có bản tự khai thể hiện quan điểm đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn như sau:

- *Về quan hệ hôn nhân:* Nội dung đơn khởi kiện của chị B về thời gian đăng ký kết hôn, nơi đăng ký kết hôn là đúng. Sau khi đăng ký kết hôn anh chị chung sống hạnh phúc, đến năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn, vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi vã. Nguyên nhân là do anh chị không tìm được tiếng nói chung, anh chị đã sống ly thân được 05 năm. Nay chị B đề nghị ly hôn thì anh cũng nhất trí lý hôn.

- *Về con chung:* Anh chị có 02 con chung là cháu Bùi Cẩm L, sinh ngày 19/6/2015 và cháu Bùi Minh K, sinh ngày 17/6/2021. Khi ly hôn anh V có nguyện vọng được nuôi dưỡng cả hai con, không yêu cầu chị B phải cấp dưỡng nuôi con chung.

- *Về tài sản chung, công nợ chung:* Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tòa án tiến hành hòa giải theo thủ tục tố tụng, tại phiên hòa giải các đương sự thỏa thuận được với nhau về quan hệ hôn nhân, tài sản và công nợ chung. Không thỏa thuận được với nhau về con chung và cấp dưỡng, do đó phiên hòa giải không thành. Tòa án tiến hành xác minh và mở phiên tòa để giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật dân sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 - Tuyên Quang phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật tố tụng của nguyên đơn, bị đơn, người tiến hành tố tụng và đề nghị HĐXX:

Căn cứ Điều 28; Điều 35; Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 271; Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự. Khoản 2 Điều 1 Luật số 85/2025/QH15 ngày 25/6/2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật tố tụng dân sự. Khoản 1 Điều 51; khoản

1 Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình. Điểm a, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nông Thị B về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" đối với anh Bùi Đức V.

2. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Nông Thị B được ly hôn với anh Bùi Đức V.

3. Về con chung: Giao 02 cháu Bùi Cẩm L, sinh ngày 19/6/2015 và cháu Bùi Minh K, sinh ngày 17/6/2021 cho chị Nông Thị B trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cho đến khi các cháu trưởng thành đủ 18 tuổi. Anh Bùi Đức V không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

4. Về tài sản chung, công nợ chung: Các đương sự không có yêu cầu, do đó không đề nghị Tòa án xem xét giải quyết.

5. Về án phí, quyền kháng cáo giải quyết theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Theo nội dung vụ án và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử (HĐXX) nhận định như sau:

[1] *Về tố tụng*: Bị đơn anh Bùi Đức V cư trú tại thôn Sơn H, xã Ngọc Đ, tỉnh Tuyên Quang, do đó Tòa án nhân dân khu vực 4 - Tuyên Quang thụ lý và giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền được quy định tại Điều 28; Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 2 Điều 1 Luật số 85/2025/QH15 ngày 25/6/2025. Quá trình giải quyết vụ án các đương sự đều có văn bản nêu quan điểm giải quyết vụ án, thể hiện được đầy đủ ý chí và nguyện vọng của các đương sự nhưng không thỏa thuận được với nhau về con chung và cấp dưỡng. Tòa án tiến hành mở phiên tòa xét xử vụ án theo quy định của pháp luật. Tại phiên tòa anh Việt vắng mặt lần thứ hai không có lý do, mặc dù đã được Tòa án tống đạt các văn bản tố tụng đúng quy định, Tòa án căn cứ Điều 227 Bộ luật tống tụng dân sự xét xử vắng mặt bị đơn Bùi Đức V.

[2] *Về quan hệ hôn nhân*: Chị Nông Thị B và anh Bùi Đức V có đăng ký kết hôn ngày 04/12/2014 tại Uỷ ban nhân dân xã Ngọc Đ, thành phố Hà Giang, tỉnh Hà Giang (nay là xã Ngọc Đ, tỉnh Tuyên Quang), vì vậy đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống, anh chị phát sinh nhiều mẫu thuẫn, chủ yếu do anh Bùi Đức V ham chơi, không tu chí làm ăn, mắc vào tệ nạn xã hội là nghiện ma túy, không tìm được tiếng nói chung, không hiểu và chia sẻ được với nhau trong cuộc sống. Mặc dù anh chị cũng đã cùng nhau cố gắng hàn gắn tình cảm gia đình nhưng mâu thuẫn không cải thiện được. HĐXX xét thấy: Anh V đã vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ chồng, làm cho hôn nhân lâm vào trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, anh chị đã sống ly thân được khoảng 05 năm và không còn quan tâm, yêu thương nhau nữa. Do đó, cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Nông Thị B, giải quyết cho chị B được ly hôn với anh V.

[3] *Về con chung*: Anh chị có 02 con chung là cháu Bùi Cẩm L, sinh ngày 19/6/2015 và cháu Bùi Minh K, sinh ngày 17/6/2021. Hiện nay 02 cháu đang sinh sống cùng với mẹ tại thôn Bản H, xã Minh T, tỉnh Tuyên Quang. Anh V và chị B đều có nguyện vọng được nuôi cả 02 con và không yêu cầu người kia phải cấp dưỡng nuôi con. HĐXX xét thấy: Cháu Bùi Cẩm L và cháu Bùi Minh K hiện đang sinh sống ổn định với mẹ và ông bà ngoại, các cháu được học hành và được chăm sóc đầy đủ. Chị B sống và làm việc ổn định tại địa phương, có thu nhập trung bình khoảng 7.000.000đ/tháng. Đối với anh V, Tòa án tiến hành xác minh tại địa phương và công an xã, kết quả xác minh: Anh Bùi Đức V đã chấp hành xong án phạt tù về tội tàng trữ trái phép chất ma túy và mới nhập khẩu về địa phương, anh V thuộc diện theo dõi người nghiện ma túy tại địa phương, không có nghề nghiệp và thu nhập ổn định, hiện đang làm thuê cho em trai về xây dựng, không ở một nơi cố định, không thường xuyên có mặt tại địa phương, không có địa chỉ cụ thể, thi thoảng mới về thăm bố mẹ. Bố mẹ anh V là ông Bùi Văn V và bà Nguyễn Thị Ngọc K, ông V bà K không có nghề nghiệp và thu nhập ổn định, chủ yếu ở nhà trông con cho con trai cả của ông bà là anh Bùi Văn C. Như vậy, để đảm bảo cho cháu L và cháu K được chăm sóc, được học hành và được phát triển một cách bình thường và ổn định trong môi trường sống lành mạnh, không làm xáo trộn cuộc sống của các cháu, cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nông Thị B.

[4] *Về tài sản chung, công nợ chung*: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết, do đó HĐXX không xem xét.

[5] *Về án phí*: Chị Nông Thị B là nguyên đơn nên phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[6] Quan điểm và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 - Tuyên Quang tại phiên tòa phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đồng thuận với quan điểm của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 28; Điều 35; Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 271; Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự. Khoản 2 Điều 1 Luật số 85/2025/QH15 ngày 25/6/2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật tố tụng dân sự. Khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình. Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nông Thị B về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" đối với anh Bùi Đức V.

2. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nông Thị B được ly hôn với anh Bùi Đức V.

3. Về con chung: Giao cháu Bùi Cẩm L, sinh ngày 19/6/2015 và cháu Bùi Minh K, sinh ngày 17/6/2021 cho chị Nông Thị B trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cho đến khi các cháu trưởng thành đủ 18 tuổi. Anh Bùi Đức V không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ đi lại thăm nom con mà không ai được cản trở. Vì quyền lợi của con chung, chị B và

anh V có quyền thay đổi về cấp dưỡng nuôi con, người trực tiếp nuôi con theo quy định của pháp luật.

4. Về tài sản chung, công nợ chung: Các đương sự không có yêu cầu, do đó HĐXX không xem xét giải quyết.

5. Về án phí: Áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chị Nông Thị B phải chịu 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng)* án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm. Được khấu trừ vào số tiền 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng)* tạm ứng án phí chị B đã nộp theo biên lai thu số 0000515 ngày 18 tháng 3 năm 2026 tại Thi hành án dân sự tỉnh Tuyên Quang.

Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; Điều 7; Điều 7a; Điều 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- VKSND KV4;
- TAND tỉnh;
- THADS tỉnh;
- Các đương sự;
- UBND xã Ngọc Đường;
- Lưu hồ sơ vụ án, vp.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Đã ký

Nguyễn Văn Phúc